



**TÀI LIỆU**  
**ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

*Hà Nam, ngày 14 tháng 4 năm 2017*

**DANH MỤC TÀI LIỆU**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Tổng số trang</b>
1	Chương trình nghị sự	1
2	Quy chế tổ chức Đại hội	4
3	Thê lệ biểu quyết, kiểm phiếu tại Đại hội	3
4	Báo cáo kết quả SXKD năm 2016, kế hoạch SXKD năm 2017	6
5	Báo cáo của Hội đồng quản trị	6
6	Báo cáo của Ban kiểm soát	6
7	Tờ trình Thông qua BCTC năm 2016 đã kiểm toán	1
8	Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận 2016 và kế hoạch sản xuất kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận năm 2017	2
9	Tờ trình Quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2016; Thương cho Ban điều hành 2016 và dự kiến mức thù lao HĐQT, BKS năm 2017	2
10	Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017	1
11	Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 đã kiểm toán	37
12	Dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017	5
13	Tài liệu kèm theo: Phiếu đóng góp ý kiến của cổ đông	1



**CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

**Thời gian** : 09h00 Thứ sáu, ngày 14 tháng 4 năm 2017

**Địa điểm** : Trụ sở Công ty- Cụm Công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam

<b>Thời gian</b>	<b>Nội dung</b>
08h30 - 09h00	- Tiếp đón Đại biểu và kiểm tra tư cách cổ đông
09h00 - 09h30	- Thông qua Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông; - Giới thiệu Đoàn chủ tịch Đại hội; - Đề cử Thư ký, Ban kiểm phiếu Đại hội; - Thông qua Chương trình nghị sự, Quy chế tổ chức Đại hội; Thể lệ biểu quyết, kiểm phiếu; - Chủ tọa khai mạc Đại hội.
09h30 - 10h00	Thông qua các Báo cáo: - Báo cáo kết quả SXKD năm 2016, kế hoạch SXKD năm 2017; - Báo cáo của Hội đồng quản trị; - Báo cáo của Ban kiểm soát.
10h00 - 10h15	Thông qua các Tờ trình: - Tờ trình thông qua BCTC năm 2016 đã kiểm toán; - Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận 2016 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017; - Tờ trình về quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2016; Thương cho Ban điều hành năm 2016 và dự kiến mức phân phối thù lao HĐQT, BKS năm 2017; - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2017;
10h15 - 11h00	- Thảo luận và trả lời câu hỏi; - Biểu quyết về nội dung các Báo cáo, Tờ trình;
11h00 - 11h20	- Nghi giải lao và Kiểm phiếu;
11h20 - 11h40	- Báo cáo Kết quả kiểm phiếu; - Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội; - Tổng kết và Bế mạc Đại hội.

*Hà Nam, ngày 14 tháng 4 năm 2017*

**QUY CHẾ TỔ CHỨC  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON NĂM 2017**

**CHƯƠNG I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi áp dụng**

- 1.1 Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 (“**ĐHĐCĐ**”) của Công ty cổ phần Khoáng sản FECON (“**Công ty**”)
- 1.2 Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người tham dự họp **ĐHĐCĐ**, điều kiện, thể thức tiến hành họp **ĐHĐCĐ**.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Cổ đông và người tham dự họp **ĐHĐCĐ** có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Quy chế này.

**CHƯƠNG II  
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG,  
NGƯỜI THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông**

- 3.1 Điều kiện tham dự **ĐHĐCĐ**:  
Là các cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền của cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày 07/3/2017 tham dự họp **ĐHĐCĐ**.
- 3.2 Quyền của các cổ đông khi tham dự **ĐHĐCĐ**:
  - (a) Tất cả các cổ đông của Công ty đều có quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của **ĐHĐCĐ** theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
  - (b) Trường hợp không thể tham dự **ĐHĐCĐ**, cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình. Việc ủy quyền này phải được lập thành văn bản theo mẫu đính kèm theo Thư mời họp **ĐHĐCĐ** của Công ty.
  - (c) Tại cuộc họp **ĐHĐCĐ**, mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông được nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết sau khi đăng ký tham dự **ĐHĐCĐ** với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông.

Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự họp **ĐHĐCĐ** trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông/đại diện được ủy quyền của cổ đông có mặt tại cuộc họp **ĐHĐCĐ**.

- (d) Cổ đông, đại diện được ủy quyền đến dự họp ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký, và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp ĐHĐCĐ, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp ĐHĐCĐ và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.
- 3.3 Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự ĐHĐCĐ:
- (a) Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông khi tham dự họp ĐHĐCĐ phải mang theo Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu, Thông báo mời họp, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền) và đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.
  - (b) Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.
  - (c) Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp ĐHĐCĐ, tôn trọng kết quả làm việc tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
  - (d) Trang phục của cổ đông đến tham dự ĐHĐCĐ đảm bảo tính lịch sự, trang trọng.
  - (e) Ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự, lộn xộn, không hút thuốc lá trong phòng ĐHĐCĐ, không sử dụng điện thoại di động trong khi ĐHĐCĐ diễn ra. Điện thoại di động phải tắt hoặc không để chuông.
  - (f) Cổ đông khi vào phòng ĐHĐCĐ phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức ĐHĐCĐ quy định, tuân thủ việc điều hành của Chủ tọa và Ban Tổ chức ĐHĐCĐ.
  - (g) Cổ đông ra về khi buổi họp ĐHĐCĐ chưa kết thúc phải nộp lại thẻ biểu quyết, nộp lại phiếu biểu quyết đã đánh dấu các nội dung biểu quyết và bầu cử theo quy định.

**Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Ban Chủ tọa**

- 4.1 Ban Chủ tọa gồm 03 (ba) thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được ĐHĐCĐ thông qua, và Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa cuộc họp.
- 4.2 Ban Chủ tọa có chức năng và có nhiệm vụ sau đây:
- (a) Có chức năng điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ.
  - (b) Tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ diễn ra một cách hợp lệ và có trật tự, và/hoặc cuộc họp ĐHĐCĐ phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.
  - (c) Hướng dẫn các đại biểu và ĐHĐCĐ thảo luận.
  - (d) Trình dự thảo, lấy ý kiến biểu quyết và kết luận các vấn đề nằm trong Chương trình họp và các vấn đề có liên quan trong suốt cuộc họp ĐHĐCĐ.
  - (e) Trả lời các câu hỏi của cổ đông liên quan đến các vấn đề thảo luận tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
  - (f) Giải quyết bất kỳ và tất cả các vấn đề phát sinh (nếu có) trong suốt cuộc họp ĐHĐCĐ.
  - (g) Không cần lấy ý kiến của ĐHĐCĐ, bất cứ lúc nào Ban Chủ tọa cũng có thể trì hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:
    - (i) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả cổ đông dự họp;
    - (ii) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
  - (h) Quyết định của Ban Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài Chương trình họp sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

**Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Đại hội**

Chủ tọa chỉ định 01 (một) người làm Thư ký Đại hội để thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Ban Chủ tọa, bao gồm:

- (a) Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung của ĐHĐCĐ (bao gồm cả những vấn đề đã được ĐHĐCĐ thông qua hoặc bảo lưu).
- (b) Hỗ trợ Ban Chủ tọa công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và thông báo của Đoàn Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
- (c) Tiếp nhận phiếu câu hỏi của cổ đông.

**Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông**

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm 03 (ba) thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được ĐHĐCĐ thông qua, có chức năng và nhiệm vụ sau đây:

- (a) Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp ĐHĐCĐ: Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu, Thông báo mời họp, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền).
- (b) Phát cho cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp ĐHĐCĐ: Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và các tài liệu họp khác.
- (c) Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ.

**Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu**

7.1 Ban Kiểm phiếu gồm 03 (ba) thành viên do Ban Chủ tọa giới thiệu và được ĐHĐCĐ thông qua.

7.2 Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:

- (a) Đọc Quy chế biểu quyết, kiểm phiếu.
- (b) Giới thiệu Phiếu và phát Phiếu.
- (c) Tiến hành thu Phiếu sau khi ĐHĐCĐ biểu quyết.
- (d) Tiến hành kiểm phiếu.
- (e) Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm phiếu.

### **CHƯƠNG III**

#### **TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**Điều 8. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ**

Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ.

**Điều 9. Cách thức tiến hành ĐHĐCĐ**

9.1 Cuộc họp ĐHĐCĐ dự kiến sẽ diễn ra trong một ngày.

9.2 ĐHĐCĐ sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình họp.

**Điều 10. Thảo luận nội dung phiên họp và giải đáp thắc mắc**

Sau khi các báo cáo được trình bày xong, Chủ tọa ĐHĐCĐ tiếp tục chủ trì phiên thảo luận, tiếp nhận ý kiến của các cổ đông và giải đáp thắc mắc theo nguyên tắc và cách thức sau:

- 10.1 Cổ đông tham dự ĐHĐCĐ đăng ký nội dung phát biểu với Ban Chủ tọa qua Thư ký theo mẫu Phiếu đóng góp ý kiến của Công ty. Sau khi được Chủ tọa cho phép phát biểu, cổ đông phát biểu ngắn gọn, tránh trùng lặp. Chủ tọa có quyền ngừng việc phát biểu của cổ đông nếu xét thấy những vấn đề kiến nghị và thảo luận trùng lặp, không liên quan đến nội dung Chương trình họp.
- 10.2 Chủ tọa chỉ trả lời trực tiếp các câu hỏi trọng tâm và liên quan đến các nội dung trong Chương trình họp. Chủ tọa không giải thích các nội dung có tính chất chuyên môn, phục vụ yêu cầu riêng biệt của cá nhân cổ đông.

- 10.3 Các câu hỏi không liên quan trực tiếp đến nội dung ĐHĐCĐ nhưng thuộc phạm vi quyền và lợi ích của cổ đông sẽ được Thư ký tập hợp và Ban Chủ tọa sẽ trả lời bằng hình thức khác phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
- 10.4 Các câu hỏi không kịp trả lời trong ĐHĐCĐ do thời gian có hạn cũng sẽ được Ban Chủ tọa trả lời bằng hình thức khác trực tiếp đến cổ đông.

**Điều 11. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Các quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty và thể lệ biểu quyết, kiểm phiếu được ĐHĐCĐ 2017 thông qua.

**Điều 12. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

Nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ được lập thành Biên bản. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.

## **CHƯƠNG IV CÁC QUY ĐỊNH KHÁC**

**Điều 13. Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông không thành**

- 13.1 Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này thì việc triệu tập họp ĐHĐCĐ lần thứ hai phải được thực hiện trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp ĐHĐCĐ thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên tham dự là cổ đông và người đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 13.2 Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 13.1 Điều này thì việc triệu tập họp ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được thực hiện trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.

## **CHƯƠNG V HIỆU LỰC THI HÀNH**

**Điều 14. Hiệu lực thi hành**

Quy chế này gồm 05 Chương và 14 Điều, có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH  
(Đã ký)**

**Hà Thế Phương**

*Hà Nam, ngày 14 tháng 4 năm 2017*

**THẺ LỆ BIỂU QUYẾT, KIỂM PHIẾU  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017  
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Việc biểu quyết, kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 của Công ty cổ phần Khoáng sản FECON (“**Đại hội**”) được tiến hành theo những quy định sau đây:

**1. Nguyên tắc biểu quyết:**

- (a) Mọi quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 phải biểu quyết công khai và trực tiếp dưới sự điều hành của Ban Chủ tọa.
- (b) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức biểu quyết khi đạt tỷ lệ tối thiểu theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- (c) Mỗi cổ đông có số biểu quyết được tính bằng tổng số cổ phần mà người đó sở hữu và đại diện sở hữu.

**2. Thẻ lệ biểu quyết:**

- (a) Khi đăng ký tham dự Đại hội, Ban Kiểm tra tư cách cổ đông sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết THẺ BIỂU QUYẾT và PHIẾU BIỂU QUYẾT.
- (b) Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, thông qua các nội dung của Đại hội là thẻ, phiếu in sẵn, theo mẫu của Công ty, có mã vạch và đóng dấu treo của Công ty. Trên mỗi Phiếu có các thông tin sau: họ và tên cổ đông hoặc người được ủy quyền, mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu, số cổ phần được ủy quyền, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- (c) Hình thức biểu quyết:
  - Biểu quyết bằng giơ THẺ BIỂU QUYẾT khi Chủ tọa đề nghị biểu quyết các vấn đề sau đây:
    - (i) Thông qua lựa chọn Ban Chủ tọa, Thư ký, Ban Kiểm phiếu;
    - (ii) Thông qua Chương trình họp, Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Thẻ lệ biểu quyết, kiểm phiếu;
    - (iii) Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và nội dung khác tại Đại hội đồng cổ đông;Cổ đông sẽ biểu quyết bằng các giơ THẺ BIỂU QUYẾT theo sự điều khiển của Chủ tọa để lấy ý kiến biểu quyết: Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến.
  - Biểu quyết bằng PHIẾU BIỂU QUYẾT dùng để biểu quyết thông qua các nội dung của chương trình họp, gồm các Báo cáo, tờ trình và các quyết định khác được thông qua tại Đại hội.

Trong một PHIẾU BIỂU QUYẾT, các nội dung lấy ý kiến về từng nội dung được biểu quyết độc lập với nhau. Sự không hợp lệ của phần quyết nội dung này sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các phần biểu quyết nội dung khác.



Trường hợp PHIẾU BIỂU QUYẾT không còn nguyên vẹn hoặc bị gạch xóa hoặc đánh dấu nhầm, cổ đông có thể liên hệ với Ban tổ chức Đại hội để được cấp lại PHIẾU BIỂU QUYẾT mới và phải nộp lại PHIẾU BIỂU QUYẾT cũ.

Cách ghi PHIẾU BIỂU QUYẾT:

- (i) Cổ đông **đánh dấu “X”** vào một trong các ô: **Đồng ý**, hoặc **Không đồng ý**, hoặc **Không có ý kiến** tương ứng với từng vấn đề được nêu trong PHIẾU BIỂU QUYẾT.
- (ii) Trong trường hợp có các vấn đề biểu quyết phát sinh ngoài các nội dung trong PHIẾU BIỂU QUYẾT, với điều kiện các vấn đề này được Đại hội thông qua để đưa vào các nội dung trong PHIẾU BIỂU QUYẾT, các cổ đông sẽ ghi các nội dung mới này vào dòng bỏ trống của PHIẾU BIỂU QUYẾT theo hướng dẫn của Ban chủ tọa. Tương tự, cổ đông **đánh dấu “X”** vào một trong các ô: **Đồng ý**, hoặc **Không đồng ý** hoặc **Không có ý kiến** tương ứng với từng nội dung được bổ sung.

- (d) Quy định khác đối với THẺ BIỂU QUYẾT, PHIẾU BIỂU QUYẾT:  
**THẺ BIỂU QUYẾT:** được in trên giấy **màu hồng**.  
**PHIẾU BIỂU QUYẾT:** được in trên giấy **màu trắng**.

### 3. **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

Các Phiếu được coi là không hợp lệ trong các trường hợp sau:

- Phiếu không theo mẫu quy định, không do Công ty phát hành, không có mã vạch do Công ty quy định, không có dấu treo của Công ty;
- Phiếu bị rách rời, không còn nguyên vẹn;
- Phiếu ghi thêm những thông tin khác không theo hướng dẫn của Ban chủ tọa, thêm ký hiệu;
- Phiếu không được điền vào ô nào hoặc được điền vào nhiều hơn một phương án trả lời mà không có chữ ký của cổ đông vào phương án trả lời cuối cùng;
- Không có chữ ký của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông.

### 4. **Nguyên tắc thu Phiếu và tổ chức kiểm phiếu:**

- (a) Ban Kiểm phiếu phải tiến hành thu Phiếu biểu quyết sau khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết và sau đó tiến hành kiểm phiếu.
- (b) Trước khi mở thùng phiếu, Ban Kiểm phiếu phải thống kê và niêm phong số phiếu không dùng đến.
- (c) Ban kiểm phiếu không được gạch xóa hoặc sửa chữa trên các phiếu thu được.
- (d) Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác và minh bạch của công tác kiểm phiếu và kết quả kiểm phiếu.

### 5. **Công bố kết quả kiểm phiếu và khiếu nại về kết quả kiểm phiếu:**

- (a) Trường Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội trước khi bế mạc cuộc họp.
- (b) Mọi khiếu nại về kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa xem xét và giải quyết ngay tại Đại hội.

**Hiệu lực:** Thể lệ biểu quyết, kiểm phiếu này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**

**(Đã ký)**

**Hà Thế Phương**



*Thấu hiểu lòng đất, chinh phục tầm cao*

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

**Địa chỉ:** Cụm công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Điện thoại:** (84-351) 3533 038 **Fax:** (84-351) 3533 897

**Website:** [www.feconmining.com.vn](http://www.feconmining.com.vn)

---

**BÁO CÁO**  
**HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016**  
**VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017**

**Hà Nam, tháng 4 năm 2017**

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.
- Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.
- Báo cáo tài chính hợp nhất trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017**  
**Công ty cổ phần khoáng sản FECON**

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Thuận lợi:** Từ đầu năm tới nay, thị trường xây dựng đã khởi sắc hơn năm 2015, các dự án mới tăng lên đáng kể. Tập trung dồn sức tối đa cho các dự án lớn, tiến độ gấp như: SS, LG, Thermanor, Nhiệt điện Hải Dương, khu đô thị Nam Hội An... Cả năm cung cấp ra thị trường 1,45 triệu m dài cọc với tổng số các dự án là 113 dự án lớn nhỏ. Trong đó các dự án ký với FCN là 30 dự án còn lại FCM tự bán là 83 dự án (doanh thu tự bán chiếm 35%) như: Dự án Thermanor, Sam sung Bắc Ninh, LG Hải Phòng, một số hạng mục phụ trợ cho Nhiệt điện Thái Bình 1, một số nhà máy ở khu Công nghiệp Đồng Văn, khu CN Châu Sơn, Một số dự án tại các tỉnh lân cận như Thái Bình, Hưng Yên, Hà Nội, Bắc Ninh, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An...

- Đã bước đầu tham gia một số dự án cầu như: Tiên Cựu, Quý Cao, Bình Hương, Kênh Bù, Gián Khẩu tuy nhiên còn hạn chế.

**2. Khó khăn:**

- Máy móc thiết bị có dấu hiệu xuống cấp, đặc biệt là hệ thống cầu ở dây chuyền 2.
- Công suất bê tông ở trạm trộn dây chuyền 1 thấp.
- Thị trường Miền Trung ít dự án.
- Mỏ đá Hải Đăng chưa tiếp cận được các dự án lớn.

**II. Kết quả SX KD năm 2016**

**1. Kết quả đạt được**

**1.1. Các chỉ tiêu về tài chính**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016		Tỉ lệ %	
				KH	TH	So với 2015	So với KH 2016
1	Doanh thu hợp nhất	Tỷ	526,7	530	692,4	131	130
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ	23,6	25	40,9	173	163
3	Chia cổ tức	%	0	5	5		

- 1.2 Chất lượng cọc ổn định: Cả năm 2016 cung cấp cọc cho 113 dự án lớn nhỏ với khối lượng 1,45 triệu m dài cọc các loại nhưng chất lượng cọc ở các dự án khá ổn định, không có các sự cố lớn. Được khách hàng đánh giá cao. Tỷ lệ cọc C cả năm là 0,22%.
- 1.3 Năng suất tăng hơn so với 2015 khoảng 20%. Tổng sản lượng riêng tại FCM khoảng hơn triệu m dài cọc. Năm 2015 là 965 nghìn mét tăng gần 1,5 lần.
  - a. Dây chuyền 1: 150-155khuôn/ca với cọc D300-400
  - b. Dây chuyền 2: 70-75 khuôn/ca.
- 1.4 Đội ngũ nhân sự tương đối ổn định và đã quen việc, quen nghề phần nào phát huy được tính tự giác trong công việc. Nhân sự năm 2016 giảm so với năm 2015 là 24 người theo hướng tinh gọn hiệu quả. Cả năm biến động 9 người. Tham gia bảo hiểm xã hội 100% cho những người đủ tiêu chuẩn theo chính sách của công ty. Thu nhập bình quân đầu người của người lao động trực tiếp tăng cao khoảng 25%. Công tác tự đào tạo được chủ động nâng cao.
- 1.5 Máy móc thiết bị được chăm sóc chu đáo, kịp thời hơn. Đã hình thành nhóm kiểm tra thiết bị hàng ngày của phòng Quản lý thiết bị, quy định bắt buộc người sử dụng thiết bị 10 phút đầu ca kiểm tra, bảo dưỡng máy, sáng thứ 2 và 5 hàng tuần dành hẳn 1h đồng hồ để làm vệ sinh, chăm sóc bảo dưỡng máy. Số giờ máy hỏng ảnh hưởng tới SX có giảm so với 2015.
- 1.6 Phần nào đã hình thành được ý thức sản xuất tự giác đối với công nhân, những người trực tiếp làm ra sản phẩm như: tự lo cho an toàn, chất lượng, năng suất....
- 1.7 Cung ứng vật tư thực hiện quan điểm mỗi nguyên vật liệu chính có tối thiểu 3 nhà cung cấp. Đàm phán để mua được giá đầu vào tốt nhất.
- 1.8 CBCNV tích cực tham gia vào phong trào sáng kiến cải tiến. Toàn công ty đã đưa được 100 sáng kiến vào áp dụng thành công. Như vậy là từ năm 2009 đến nay đã có khoảng 546 sáng kiến được ứng dụng đem lại hiệu quả thiết thực về mọi mặt: Năng suất, chất lượng, an toàn, điều kiện làm việc, môi trường... Đặc biệt có những thay đổi lớn theo hướng hợp lý hóa dòng chảy của sản phẩm như: Sắp đặt lại xưởng 2 và xưởng cát. Cùng với Tổng công ty nghiên cứu và sản thử thành công loại sản phẩm mới là cọc cừ vuông và đang tiến hành thử nghiệm giải pháp thi công tại xưởng Phú Xuyên.
- 1.9 Công tác tự bán hàng tại nhà máy có những bước phát triển nhảy vọt nhờ cơ chế, chính sách bán hàng mở, khuyến khích mọi người tham gia vào công tác bán hàng. Kết quả năm 2016 đạt 239 tỷ/ 690 tỷ =35%, tăng 200% so với năm 2015
- 1.10 Đội ngũ nhân sự đã cứng cáp hơn, chủ động hơn trong công việc, từng bước được đào tạo chuyên sâu về nghề... ngoài việc cử đi đào tạo bên ngoài, Đã tự mở các lớp đào tạo chuyên sâu về bê tông, quy trình sản xuất, các kỹ thuật, phương pháp để giải quyết các vấn đề trong sản xuất...
- 1.11 Về tài chính: Quan hệ tốt với các ngân hàng tại địa phương và Hà Nội. Đảm bảo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty .
- 1.12 Tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội tại địa phương và được đánh giá tốt.

## **2. Những việc còn tồn tại**

2.1. Về sản xuất tự giác, người lao động trực tiếp làm ra sản phẩm vẫn chưa thực sự tự giác, vẫn phải có người đôn đốc nhắc nhở mới chú ý tới an toàn và chất lượng. Sử dụng nguyên, nhiên vật liệu chưa tiết kiệm, hiệu quả...

2.2. Công tác cung ứng vẫn còn chậm ảnh hưởng phần nào tới sản xuất và sửa chữa.

2.3. Công tác quản lý chi phí vẫn còn thiếu. Phần lớn là chi phí chi trả cho các nhà thầu ngoài.

cho cán bộ công nhân viên, nâng bậc lương hàng năm theo kỳ cho nhân viên trong Công ty. Ngoài ra chế độ thăm hỏi, hiếu hỷ, ốm đau với người lao động cũng như người thân luôn được Công ty quan tâm thực hiện.

- Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn hạn, dài hạn về các nghiệp vụ.

- Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao. Đồng thời Công ty áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hình ảnh Công ty.

- Thường xuyên cập nhật những thay đổi của Pháp luật lao động, thiết lập các chính sách, quy trình, biểu mẫu, quản lý, tổ chức, thực hiện và giám sát việc thực hiện các quy định, nội quy, quy chế, chính sách của Công ty. Sửa đổi, ban hành nội quy, quy chế, chính sách, quy trình phù hợp với Pháp luật lao động và tình hình thực tiễn của Công ty.

## **II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017**

### **1. Cơ sở lập kế hoạch**

- Căn cứ vào đặc điểm thị trường năm 2017, hiện nay chúng ta đang sản xuất phục vụ 2 dự án lớn là Nhiệt điện Hải Dương và Khu đô thị Nam Hội An; Ngoài ra dự báo các dự án trọng điểm như: NĐNĐ và NĐNS2 cuối năm triển khai. Như vậy vẫn tập trung chủ yếu vào các dự án nhà xưởng tiền chế của các nhà máy mới, nhà biệt thự của các khu đô thị, nhà trung cư thu nhập thấp, trung tâm thương mại...

- Phát huy những cái làm được và khắc phục những việc chưa làm được để phấn đấu mục tiêu:

### **2. Các chỉ tiêu chính**

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Thực hiện năm 2016</b>	<b>Kế hoạch năm 2017</b>
1	Vốn điều lệ	Tỷ	410	410
2	Doanh thu	Tỷ	692,4	560
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ	40,9	28
4	Cổ tức (% vốn điều lệ)	%	5	5

### **3. Đầu tư mở rộng.**

- 3.1. Xin mở rộng Dự án nhà máy sản xuất cọc bê tông ly tâm dự ứng lực cường độ cao về phía Đông của dây chuyền sản xuất số 2 thêm khoảng 4,5 ha: 10 tỷ đồng (Bao gồm đền bù và san lấp mặt bằng)
- 3.2. Đầu tư và nghiên cứu sản xuất các loại sản phẩm bê tông đúc sẵn phục vụ cho các dự án chống biến đổi khí hậu, cống thoát nước, kè sông, biển ...: 15 tỷ đồng
- 3.3. Đề xuất đầu tư thêm thiết bị phục vụ sản xuất : 20 tỷ đồng
4. **Tổ chức kỷ niệm 10 năm thành lập công ty (3/9/2007-3/9/2017).**

*Hà nam, ngày 03 tháng 4 năm 2017*

**GIÁM ĐỐC**

**( Đã ký)**

**Phạm Trung Thành**



*Thấu hiểu lòng đất, chinh phục tầm cao*

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

**Địa chỉ:** Cụm công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, -  
tỉnh Hà Nam

**Điện thoại:** (84-351) 3533 038 **Fax:** (84-351) 3533 897

**Website:** [www.feconmining.com.vn](http://www.feconmining.com.vn)

---

**BÁO CÁO**  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2016**  
**VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017**

**Hà Nam, tháng 4 năm 2017**



Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.
- Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON;
- Báo cáo tài chính hợp nhất trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017  
Công ty cổ phần khoáng sản FECON**

Kính thưa các quý vị cổ đông,

Năm 2016 là năm có nhiều biến động đối với tình hình kinh tế chính trị thế giới cũng như Việt Nam. Thị trường xây dựng có ảm hơn, nhưng trên thị trường phía Bắc xuất hiện thêm 5 dây chuyền sản xuất có công suất lớn làm cho cung vượt quá cầu dẫn đến cạnh tranh về cọc Bê tông ly tâm diễn ra gay gắt trong cả năm. Trước tình hình đó Hội đồng quản trị luôn sát cánh cùng với Ban giám đốc công ty, hỗ trợ, chỉ đạo các hoạt động của Công ty nhằm phát triển sản xuất kinh doanh, hoàn thành nghị quyết mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đã giao cho. Thay mặt HĐQT tôi xin được báo cáo các hoạt động của HĐQT và kết quả đạt được trong năm 2016 và kế hoạch mục tiêu năm 2017 như sau:

**I. Kết quả thực hiện Nghị quyết HĐQT trong năm 2016**

**1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2016**

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất của FECON Mining và hai đơn vị thành viên là Công ty cổ phần FECON Nghi Sơn và Công ty Cổ phần khoáng sản Hải Đăng đạt được như sau:

<b>Chỉ tiêu tài chính</b>	<b>Kế hoạch</b>	<b>Thực hiện</b>	<b>Tỷ lệ %</b>
Doanh thu hợp nhất (tỷ)	530	692,4	130
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế (tỷ)	25	40,9	163
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)		973	
Cổ tức	5%	5%	100

Việc có đột biến về doanh thu do năm 2016 có phát sinh hoạt động thương mại tại công trình Nhiệt điện Long Phú (130 tỷ); và 7 tỷ do FECON Hải Đăng bán tài sản. Phần doanh thu có phát sinh lợi thế thương mại từ việc mua mỏ Hải Đăng 12 tỷ.

**2. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2016**

- Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm:

**+ Năm 2016:**

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	2602/2016/NQ-HĐQT/FCM	26/02/2016	Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2016
2	0203/2016/NQ-HĐQT/FCM	02/03/2016	Thời gian và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2016. Dự kiến chia cổ tức năm 2015
3	0104/2016/NQ-HĐQT/FCM	01/04/2016	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 và tài liệu họp trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016
4	1904/2016/NQ-HĐQT/FCM	19/04/2016	Họp thường kỳ quý I
5	1904-1/2016/NQ-HĐQT/FCM	19/04/2016	Miễn nhiệm chức vụ Phó Giám đốc kỹ thuật đối với Ông Lê Quang Trung
6	1904-2/2016/NQ-HĐQT/FCM	19/04/2016	Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc tài chính đối với Ông Trần Phương
7	1904-3/2016/NQ-HĐQT/FCM	19/04/2016	Bổ nhiệm Ông Cao Văn Thái giữ chức vụ Phó Giám đốc phụ trách sản xuất và thiết bị
8	2104/2016/NQ-HĐQT/FCM	21/04/2016	Trả cổ tức năm 2015 bằng tiền
9	1607/2016/NQ-HĐQT/FCM	16/07/2016	Họp thường kỳ quý II
10	1910/2016/NQ-HĐQT/FCM	19/10/2016	Họp thường kỳ quý III

**+ Năm 2017:**

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	2301/2017/NQ-HĐQT/FCM	23/01/2017	Họp thường kỳ HĐQT quý IV 2016
2	1503/2017/NQ-HĐQT/FCM	15/03/2017	Họp HĐQT thông qua BCTC được kiểm toán và thông qua các Báo cáo, tờ trình trình ĐHĐCĐ TN, và công tác tổ chức Đại hội

- HĐQT thực hiện nhiệm vụ của mình theo đúng Điều lệ Công ty và qui định của Pháp luật. Đã tổ chức giám sát hoạt động của Ban điều hành và theo sát những mục tiêu ngắn hạn, dài hạn đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2016.
- Hội đồng quản trị tổ chức họp thường kỳ theo quý để trực tiếp nghe báo cáo của Ban giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các đơn vị thành viên, những vấn đề khó khăn cần giải quyết. Qua đó Hội đồng quản trị có ý kiến chi đạo kịp thời về hướng giải quyết các vấn đề, phê duyệt các quyết định liên quan đến đầu tư, Nhân sự để Ban giám đốc thực hiện.

- Hoạt động của HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty, đề ra các chủ trương, kế hoạch ngắn hạn, dài hạn đúng đắn, giám sát hoạt động điều hành, hỗ trợ và đảm bảo hoạt động của Ban điều hành luôn đúng hướng và đạt hiệu quả cao.
- Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT đều xuất phát từ yêu cầu thực tế công việc và có tính thống nhất cao giữa các thành viên HĐQT và giữa HĐQT với Ban điều hành.
- Đảm bảo mối quan hệ và quyền lợi hài hoà giữa doanh nghiệp với các cổ đông và người lao động, đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.
- Việc công bố thông tin được thực hiện thường xuyên, chính xác, kịp thời theo đúng qui định của Pháp luật.

### **3. Kết quả giám sát Ban điều hành công ty (Ban giám đốc và đội ngũ CBQL)**

- HĐQT luôn theo sát và tạo điều kiện thuận lợi nhất để Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ của mình theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Hội đồng quản trị
- Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT đã chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua các Nghị quyết, Quyết định, các văn bản và các chỉ đạo khác theo thẩm quyền được qui định trong Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị đã ban hành.
- Chủ tịch HĐQT tham gia các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuyên đề, các cuộc họp lãnh đạo để hiểu rõ tình hình hoạt động của Công ty, các vấn đề phát sinh cần giải quyết và có chỉ đạo, hỗ trợ kịp thời cho Ban điều hành.
- Ban điều hành luôn tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các qui định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT. Ban điều hành luôn hoạt động tích cực, trách nhiệm, tận tụy, thông tin kịp thời, tổ chức các cuộc họp giao ban tuần, tháng định kỳ và các cuộc họp đột xuất để bàn bạc và thống nhất các giải pháp, tổ chức thực hiện. Từng thành viên Ban điều hành luôn bám sát công việc, báo cáo kịp thời, phối hợp với nhau để giải quyết tốt các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

### **4. Đánh giá hoạt động của HĐQT**

- Nhìn chung HĐQT đã tích cực hoạt động để giám sát hoạt động của Ban giám đốc, giúp cho Ban giám đốc điều hành hoạt động của Công ty luôn đúng hướng và đã hoàn thành xuất sắc Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2016.
- Hội đồng quản trị đã hoàn thành nhiệm vụ của mình trong năm 2016.

### **5. Các đề xuất về phương án phân chia lợi nhuận sau thuế:**

- Trích quỹ: 25% (trong đó quỹ đầu tư phát triển 10%; quỹ khen thưởng phúc lợi 15%).
- Chia cổ tức: 5%
- Thưởng Ban điều hành: 2%

## **II. Kế hoạch mục tiêu năm 2017**

Năm 2017 là năm có những thuận lợi cơ bản như sau:

- Thị trường xây dựng âm lên ở phía Bắc, hứa hẹn có một số công trình trọng điểm như Nhiệt điện Nghi Sơn, Nhiệt điện Hải Dương, nhiệt điện Nam Định và một số công trình khác.
- Mỏ đá Hải Đăng đã hoàn thành thủ tục mỏ dài hạn, đủ điều kiện để ký các hợp đồng cung cấp lớn, hứa hẹn mang lại lợi nhuận cao hơn những năm trước.
- Năng lực của hai nhà máy coker đã tăng lên nhiều cả về năng suất và chất lượng sản phẩm

Những khó khăn: Các đối thủ tăng thêm, cung vượt cầu nên việc cạnh tranh gay gắt.

Với những thuận lợi và khó khăn trên, Hội đồng quản trị đưa ra mục tiêu cho năm 2017 như sau:

### **1. Các chỉ tiêu về tài chính**

- Doanh thu: 560 tỷ
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 28 tỷ
- Cổ tức: 5%

### **2. Các mục tiêu khác:**

- Tạo điều kiện thuận lợi để Ban điều hành hoàn thành được các chỉ tiêu về tài chính, phê duyệt đầu tư để mở rộng sản xuất các sản phẩm mới như Nghị quyết ĐHĐCĐ 2016 đã thông qua. Các sản phẩm mới bao gồm các cấu kiện bê tông đúc sẵn, công thoát nước .....
- Hỗ trợ về quản trị cho các đơn vị thành viên, mục đích các đơn vị thành viên có đủ năng lực, điều kiện thuận lợi để phát huy hết thế mạnh của mình, đạt hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kính thưa Đại hội đồng cổ đông, trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động của HĐQT trong năm 2016 và kế hoạch mục tiêu năm 2017.

### **3. Đầu tư trong năm 2017:**

- Xin mở rộng Dự án nhà máy sản xuất cọc bê tông ly tâm dự ứng lực cường độ cao về phía Đông của dây chuyền sản xuất số 2 thêm khoảng 4,5 ha: 10 tỷ đồng (Bao gồm đền bù và san lấp mặt bằng)
- Đầu tư và nghiên cứu sản xuất các loại sản phẩm bê tông đúc sẵn phục vụ cho các dự án chống biến đổi khí hậu, cống thoát nước, kè sông, biển ...: 15 tỷ đồng
- Đầu tư thêm thiết bị phục vụ sản xuất : 20 tỷ đồng

**Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần khoáng sản FECON thông qua.**

Trân trọng !

**CHỦ TỊCH HĐQT**

**(Đã ký)**

**HÀ THẾ PHƯƠNG**

**BÁO CÁO**  
**TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2016**  
**VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017**

**Hà Nam, tháng 4 năm 2017**

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.
- Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.
- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc trong năm tài chính 2016.
- Báo cáo tài chính hợp nhất trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát trong năm tài chính 2016, thực thi trách nhiệm và quyền hạn theo Điều lệ công ty, Ban kiểm soát Công ty cổ phần khoáng sản FECON xin báo cáo kết quả hoạt động của Ban trong năm 2016 như sau:

## **I. TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2016**

### **1. Cơ cấu tổ chức Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát công ty gồm 3 thành viên:

- Bà Nguyễn Thị Thanh Vân: Trưởng ban
- Bà Nguyễn Thị Nghiên: Thành viên
- Ông Nguyễn Mạnh Quân: Thành viên

### **2. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2016**

Năm 2016, thực hiện quyền hạn, trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ như sau:

<b>STT</b>	<b>Ngày họp</b>	<b>Nội dung cuộc họp</b>
1	20/4/2016	Họp thường kỳ quý I đánh giá, giám sát KQ hoạt động Công ty
2	20/7/2016	Họp thường kỳ quý II đánh giá, giám sát KQ hoạt động Công ty
3	16/10/2016	Họp thường kỳ quý III đánh giá, giám sát KQ hoạt động Công ty
4	29/12/2016	Họp thường kỳ quý IV đánh giá, giám sát KQ hoạt động Công ty

Ngoài ra tại các tại cuộc họp Ban kiểm soát còn: Đánh giá, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ trong năm 2016; giám sát việc tuân thủ Điều lệ, các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

Đại diện Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty;

Thẩm định Báo cáo kết quả SXKD, báo cáo tài chính, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn của Công ty;

Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc.

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty.

### **3. Đánh giá công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc**

#### **3.1 Kết quả giám sát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị.**

Hội đồng quản trị đã thực hiện các cuộc họp định kỳ và đột xuất để thông qua các Nghị quyết, quyết định, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2016 phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động SXKD thực tế của công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định.

HĐQT đã chỉ đạo và giám sát Ban Giám đốc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT/ĐHĐCĐ. Trong năm 2016, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Các quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2016 đều bám sát mục tiêu định hướng phát triển chiến lược của hệ thống FECON.

#### **3.2 Kết quả giám sát hoạt động của Ban giám đốc**

Trong năm 2016, Ban Giám đốc Công ty đã rất nỗ lực trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, tuân thủ nghị quyết HĐQT/Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016. Các chỉ tiêu kinh doanh đạt và vượt mức kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua, hoàn thành thực hiện chi trả cổ tức năm 2015 vào 2016.

Ban giám đốc đã có nhiều biện pháp để triển khai định hướng phát triển sản xuất của HĐQT; khắc phục khó khăn, duy trì và phát triển sản xuất tăng trưởng trong bối cảnh nền kinh tế gặp rất nhiều khó khăn ngày càng xuất hiện nhiều dây chuyền sản xuất cọc với công suất lớn, điều này làm tăng sự cạnh tranh với các đối thủ trong ngành sản xuất cọc.

Ban giám đốc đã có những hành động thiết thực trong việc tập trung nguồn lực bán hàng, giảm chi phí sản xuất kinh doanh thông qua các biện pháp như: Cải tổ bộ máy quản lý, không ngừng cải tiến quy trình sản xuất, nghiên cứu tiết kiệm chi phí đầu vào, tìm kiếm nguyên vật liệu thay thế nhằm giảm giá thành, nâng cao năng suất lao động và khả năng cạnh tranh.



Bên cạnh đó, công tác thi đua sáng kiến vẫn được duy trì và phát triển, ngày càng có nhiều cán bộ nhân viên tích cực tham gia.

Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước theo Quy định của pháp luật.

Về chế độ với người lao động: Ban giám đốc đã quan tâm và chăm lo tốt đến người lao động trong công ty cả về vật chất lẫn đời sống tinh thần.

Trong năm 2016, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của Ban giám đốc công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

#### **4. Đánh giá tình hình hoạt động SXKD hợp nhất của công ty trong năm 2016.**

Ban kiểm soát thống nhất với các nội dung của báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất năm 2016 đã được Ban giám đốc lập và được công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam kiểm toán. Báo cáo tài chính đã phản ánh chính xác tình hình tài chính của công ty giai đoạn 01/01/2016 đến 31/12/2016, các chỉ tiêu cơ bản trên báo cáo hợp nhất tại ngày 31/12/2016 như sau:

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu cơ bản</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Tại ngày 31/12/2016</b>
1	Tổng tài sản, trong đó:	<i>Triệu</i>	1.000.166
	– Tài sản ngắn hạn	<i>Triệu</i>	617.573
	– Tài sản dài hạn	<i>Triệu</i>	382.593
2	Tổng cộng nguồn vốn, trong đó:	<i>Triệu</i>	1.000.166
	– Nợ phải trả	<i>Triệu</i>	436.709
	– Vốn góp chủ sở hữu và các quỹ	<i>Triệu</i>	563.457
3	Tổng doanh thu (thuần)	<i>Triệu</i>	692.485
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<i>Triệu</i>	47.611
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	<i>Triệu</i>	40.917
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<i>Đồng</i>	973

Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế bao gồm giá trị tính toán lợi thế thương mại khi tham gia đầu tư mỏ Hải Đăng thuộc Công ty cổ phần khoáng sản FECON Hải Đăng, giá trị 12 tỷ đồng.

Ngoài ra, chúng tôi không thấy có biểu hiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính của Ban giám đốc không phản ánh trung thực về tình hình tài chính của Công ty.

#### **5. Đánh giá sự phối hợp giữa BKS, HĐQT, Ban GD và các cán bộ quản lý.**

Trong năm 2016, Ban kiểm soát đã nhận được sự phối hợp và cộng tác tốt từ Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty trong trao đổi thông tin, thông báo

triệu tập họp HĐQT, họp Đại hội đồng cổ đông, việc cung cấp các báo cáo, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát.

Ban giám đốc điều hành đã cử các cán bộ có trách nhiệm làm việc kịp thời với Ban kiểm soát khi có yêu cầu, thái độ làm việc nghiêm túc, tuân thủ hợp tác.

Ban kiểm soát đánh giá sự phối hợp của HĐQT, Ban GD điều hành đã đáp ứng được yêu cầu quyền lợi của các cổ đông.

***Kiến nghị cho năm 2017:***

Thiết lập Ban quản lý chi phí/ dòng tiền phù hợp với hoạt động hiện tại. Xây dựng quy định về quản lý và sử dụng các quỹ thuộc Công ty để giúp việc huy động nguồn cho hoạt động kinh doanh được linh hoạt.

Tăng cường giám sát công tác quản trị của các đơn vị con: Công ty cổ phần khoáng sản FECON Hải Đăng và Công ty cổ phần FECON Nghi Sơn để tăng năng lực cạnh tranh, tăng hiệu quả.

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc nên tiếp tục củng cố, tăng cường nguồn lực cho công tác kinh doanh, bán hàng và công tác quản lý.

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn (đặc biệt là nguồn vốn lưu động bằng cách tăng vòng quay nguyên vật liệu và hàng tồn kho) nhằm tiết giảm chi lãi vay.

Tập trung thúc đẩy công tác bán hàng mảng khai thác khoáng sản để Công ty có thể hoàn thành chỉ tiêu doanh thu và tăng lợi nhuận năm 2017.

**II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017**

Để hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát trình Đại hội kế hoạch làm việc năm 2017 như sau:

Tiếp tục nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý của HĐQT, Ban giám đốc; Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tham gia góp ý kiến với HĐQT, đề xuất các kiến nghị với Ban Giám đốc nhằm thúc đẩy, triển khai đầy đủ, kịp thời các công việc cụ thể trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của BKS;

Xem xét các kế hoạch, báo cáo của Công ty về: tình hình tài chính, SXKD, thực hiện các dự án, công tác quản lý tổ chức...

Thẩm định Báo cáo tài chính năm và Báo cáo tài chính định kỳ của Công ty;

Kiểm tra định kỳ và đột xuất các vấn đề liên quan đến công tác tổ chức, thực hiện các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và Ban giám đốc;

Duy trì sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban giám đốc và các phòng/ban, đơn vị chức năng trong Công ty.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2016 và kế hoạch hoạt động năm 2017. Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và cho ý kiến để Ban Kiểm soát thực hiện tốt vai trò của mình trong việc giám sát các hoạt động của công ty.

Cuối cùng Ban kiểm soát xin gửi tới các quý vị cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

*Chúc đại hội thành công tốt đẹp!*

*Xin trân trọng cảm ơn.*

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thanh Vân**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHOÁNG SẢN FECON**

-----\*\*\*-----

Số: 01/TTĐH-HĐQT/FCM

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----\*\*\*-----

Hà Nam, ngày 03 tháng 4 năm 2017

**TỜ TRÌNH**

**V/v: Thông qua BCTC năm 2016 đã kiểm toán**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Khoáng sản FECON;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản FECON về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCD thông qua Báo cáo tài chính năm 2016 Công ty cổ phần khoáng sản FECON, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam (CPA Việt Nam).

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 đã được công bố thông tin theo quy định tại website chính thức của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định và đăng tải trên website của Công ty ([www.feconmining.com.vn](http://www.feconmining.com.vn)).

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2016 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Tổng tài sản	Đồng	808,321,662,958	1,000,166,553,762
2	Vốn chủ sở hữu	Đồng	464,575,785,395	563,457,033,185
3	Doanh thu thuần	Đồng	661,149,587,870	692,485,631,045
4	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	34,017,674,367	40,917,205,985
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/cổ phiếu		973

Hội đồng quản trị kính trình và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

**Hà Thế Phương**

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu VP,

## TỜ TRÌNH

### V/v: Phương án phân phối lợi nhuận 2016 và kế hoạch sản xuất kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận năm 2017

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Khoáng sản FECON;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán;
- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản FECON về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017,

Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung như sau:

#### 1. Phân phối lợi nhuận năm 2016

Tính đến thời điểm 31/12/2016, lũy kế lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước của Công ty là 13.933.736.055 đồng, phương án phân phối lợi nhuận của năm 2016 trình ĐHĐCĐ phê duyệt như sau:

Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
Lũy kế lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước	13.933.736.055	
Lợi nhuận sau thuế năm 2016 (LNST của cổ đông Công ty mẹ)	27.044.719.322	
Phân phối các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2016	6.761.179.832	25%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.056.707.898	15%
Quỹ đầu tư phát triển	2.704.471.932	10%
Thù lao HĐQT, BKS năm 2016	732.000.000	
Thưởng Ban điều hành năm 2016	540.894.386	2%
Chia cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt	20.500.000.000	5% (VĐL)

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 kế hoạch chia cổ tức năm 2016: Bằng tiền mặt tương ứng 5% vốn điều lệ và Ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ tình hình thực tiễn để thực hiện chi trả cho phù hợp.

#### 2. Kế hoạch hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2017

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017
1	Vốn điều lệ	Tỷ	410	410
2	Doanh thu	Tỷ	692	560
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ	40	28
4	Cổ tức bằng tiền (% VDL)	%	5%	5%

### 3. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017

Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	15% Lợi nhuận sau thuế
Trích quỹ đầu tư phát triển	10% Lợi nhuận sau thuế
Thù lao HĐQT, BKS	732.000.000 VNĐ
Cổ tức bằng tiền mặt	5% Vốn điều lệ

Hội đồng quản trị kính trình và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**(Đã ký)**

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu VP,

**Hà Thế Phương**

## TỜ TRÌNH

V/v: Quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2016; Thương Ban điều hành 2016 và dự kiến mức phân phối thù lao HĐQT, BKS năm 2017

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Khoáng sản FECON;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản FECON về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung như sau:

### 1. Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016:

Tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 1604/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/4/2016, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 thông qua phương án trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Hội đồng quản trị năm 2016 như sau:

TT	Chức vụ/vị trí	Số lượng (Người)	Mức thù lao 1 tháng (VNĐ)	Thù lao năm 2016 (VNĐ)
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	25.000.000	300.000.000
2	Phó chủ tịch HĐQT	1	7.000.000	84.000.000
3	Thành viên HĐQT	3	5.000.000	180.000.000
4	Trưởng ban kiểm soát	1	5.000.000	60.000.000
5	Thành viên ban kiểm soát	2	3.000.000	72.000.000
6	Thư ký HĐQT	1	3.000.000	36.000.000
<b>Tổng cộng</b>				<b>732.000.000</b>

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội thông qua quyết toán thù lao năm 2016 của HĐQT và BKS là: 732.000.000 đồng (Bảy trăm ba mươi hai triệu đồng chẵn).

### 2. Thương Ban điều hành năm 2016:

Năm 2016 mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, tuy nhiên Ban điều hành Công ty luôn sát sao công tác điều hành, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh hoàn thành và hoàn thành vượt kế hoạch năm. Vì vậy, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án thưởng cho Ban điều hành 2016 là: 2% lợi nhuận sau thuế tương ứng với: 540.894.386 VNĐ và giao cho Giám đốc Công ty căn cứ vào tình hình thực tế tại Công ty để thực hiện.

### 3. Kế hoạch phân phối thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT 2017:

- Dự kiến mức trả thù lao:

STT	Chức vụ/vị trí	Số lượng (Người)	Mức thù lao 1 tháng (VNĐ)	Thù lao năm 2016 (VNĐ)
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	25.000.000	300.000.000
2	Phó chủ tịch HĐQT	1	7.000.000	84.000.000
3	Thành viên HĐQT	3	5.000.000	180.000.000
4	Trưởng ban kiểm soát	1	5.000.000	60.000.000
5	Thành viên ban kiểm soát	2	3.000.000	72.000.000
6	Thư ký HĐQT	1	3.000.000	36.000.000
<b>Tổng cộng</b>				732.000.000

- Thời gian trả thù lao: Ủy quyền Hội đồng quản trị chọn thời điểm phân bổ thù lao Hội đồng quản trị và quyết định thanh toán các khoản tiền trên phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi nhất cho công ty.

Hội đồng quản trị kính trình và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

**Hà Thế Phương**

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu VP,



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHOÁNG SẢN FECON**

-----\*\*\*-----

Số: 04/TTĐH-HĐQT/FCM

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----\*\*\*-----

Hà Nam, ngày 03 tháng 4 năm 2017

## **TỜ TRÌNH**

### **V/v: Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Khoáng sản FECON;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản FECON về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt thông qua danh sách 03 Công ty Kiểm toán độc lập để Hội đồng quản trị chọn đơn vị kiểm toán cho Công ty năm 2017 như sau:

1. Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam (CPA Việt Nam);
2. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC).
3. Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA);

Trong trường hợp không thống nhất được với những Công ty Kiểm toán trên về tiến độ và mức phí kiểm toán, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các Công ty Kiểm toán còn lại trong Danh sách Công ty Kiểm toán độc lập được chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để tiến hành Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 và soát xét Báo cáo tài chính Quý, Báo cáo tài chính bán niên năm 2017 (nếu cần thiết theo yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước).

Hội đồng quản trị kính trình và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**(Đã ký)**

**Hà Thế Phương**

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu VP,

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối, kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 35

MSC



1111

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON (gọi tắt là "Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Bê tông và Khoáng sản FECON, thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0700252549 ngày 03 tháng 09 năm 2007; đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 06 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700252549 ngày 06/01/2015 là 410.000.000.000 đồng (Bốn trăm mười tỷ đồng).

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: FECON MINING JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là FECON Mining.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh; Mã cổ phiếu: FCM.

Trụ sở chính của Công ty tại: cụm Công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

#### Công ty con được hợp nhất gồm:

Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 22621000014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 03 tháng 6 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 23 tháng 9 năm 2015. Trong đó, Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON nắm giữ 5.150.000 cổ phần tương ứng 51.500.000.000 đồng (Năm một tỷ năm trăm triệu đồng), chiếm 51,5% vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 11 tháng 01 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 09 tháng 12 năm 2015. Trong đó, Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON nắm giữ 4.950.000 cổ phần tương ứng 49.500.000.000 đồng (Bốn chín tỷ năm trăm triệu đồng), chiếm 55% vốn điều lệ.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Hà Thế Phương	Chủ tịch
	Ông Hà Thế Lộ	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Chí Công	Thành viên
	Ông Phạm Trung Thành	Thành viên
	Ông Ngô Mạnh Quân	Thành viên độc lập

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Phạm Trung Thành	Giám đốc
	Ông Lê Quang Trung	Phó Giám đốc Kỹ thuật
	Ông Cao Văn Thái	Phó Giám đốc Sản xuất và Thiết bị

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

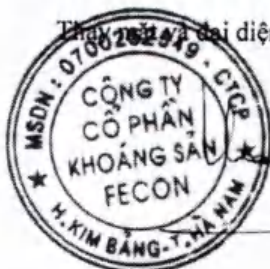
Ban Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt đại diện Ban Giám đốc,



**Phạm Trung Thành**  
Giám đốc

Hà Nam, ngày 28 tháng 3 năm 2017

Số: 3202017/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON, được lập ngày 28/3/2017 từ trang 06 đến trang 35 bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



*Handwritten signature*

**Đinh Văn Thắng**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2015-137-1

*Giấy Ủy quyền số: 16/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT*

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

*Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2017*

**Nguyễn Thị Mai Hoa**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2015-137-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 -DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>617.573.744.703</b>	<b>537.376.400.543</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>28.873.758.672</b>	<b>45.367.742.737</b>
1. Tiền	111		22.373.758.672	41.367.742.737
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.500.000.000	4.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>306.518.575.667</b>	<b>232.954.263.141</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	254.104.865.637	201.012.033.130
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		24.166.680.572	5.547.098.966
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	26.196.663.807	24.509.005.200
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(469.869.517)	(634.109.323)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.5	2.520.235.168	2.520.235.168
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>278.846.712.353</b>	<b>243.012.413.161</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.6	278.846.712.353	243.012.413.161
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.334.698.011</b>	<b>16.041.981.504</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	2.041.387.434	2.016.457.592
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		937.637.561	13.649.573.121
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	355.673.016	375.950.791
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>382.592.809.059</b>	<b>399.363.062.939</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.824.550.000</b>	<b>1.814.550.000</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	1.824.550.000	1.814.550.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>349.276.181.888</b>	<b>352.948.632.425</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	284.933.424.301	287.379.786.660
- Nguyên giá	222		504.163.340.223	471.148.107.209
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(219.229.915.922)	(183.768.320.549)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.9	39.541.935.080	48.219.369.572
- Nguyên giá	225		58.230.304.867	58.230.304.867
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(18.688.369.787)	(10.010.935.295)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	24.800.822.507	17.349.476.193
- Nguyên giá	228		27.929.073.610	20.099.403.240
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.128.251.103)	(2.749.927.047)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>22.008.792.199</b>	<b>32.985.618.037</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	22.008.792.199	32.985.618.037
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.483.284.972</b>	<b>11.614.262.477</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	9.333.784.972	11.445.262.477
5. Lợi thế thương mại	269		149.500.000	169.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>1.000.166.553.762</b>	<b>936.739.463.482</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

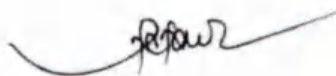
Mẫu B 01 -DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

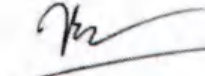
NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>436.709.520.577</b>	<b>372.464.486.240</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>406.160.083.367</b>	<b>313.420.528.661</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	113.470.283.883	104.870.811.439
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.946.123.871	6.423.772.394
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	12.894.439.499	3.328.614.826
4. Phải trả người lao động	314		4.874.263.017	2.802.607.519
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	484.788.725	216.339.873
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		22.040.000	793.764.939
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	12.985.438.661	8.449.059.658
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	249.054.557.225	183.972.506.971
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.428.148.486	2.563.051.042
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>30.549.437.210</b>	<b>59.043.957.579</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	219.000.000	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	30.330.437.210	58.141.282.587
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	902.674.992
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>563.457.033.185</b>	<b>564.274.977.242</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.17	<b>563.457.033.185</b>	<b>564.274.977.242</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		410.000.000.000	410.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		410.000.000.000	410.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(1.873.645.455)	(1.873.645.455)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		946.684.088	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.608.726.007	10.356.123.040
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		53.144.029.363	40.225.140.324
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		14.498.079.079	19.316.895.344
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		38.645.950.284	20.908.244.980
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		90.631.239.182	105.567.359.333
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>1.000.166.553.762</b>	<b>936.739.463.482</b>

Người lập



Ngô Thị Thanh

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Thoan

Hà Nam, ngày 28 tháng 3 năm 2017

Giám đốc



Phạm Trung Thành

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

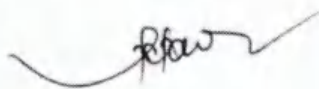
Mẫu B 02-DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

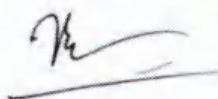
CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	692.651.773.145	528.577.752.043
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.19	166.142.100	1.853.263.361
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		692.485.631.045	526.724.488.682
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	563.002.535.036	399.659.411.792
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>129.483.096.009</b>	<b>127.065.076.890</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	448.642.184	410.743.824
7. Chi phí tài chính	22	5.22	18.894.772.306	24.635.123.103
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18.153.542.506	21.965.104.875
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	5.23	47.856.262.421	51.510.834.605
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.23	26.511.505.734	24.485.203.232
11. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>36.669.197.732</b>	<b>26.844.659.774</b>
12. Thu nhập khác	31	5.24	21.924.700.267	20.222.005.308
13. Chi phí khác	32	5.24	10.982.271.454	17.818.235.272
14. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>5.24</b>	<b>10.942.428.813</b>	<b>2.403.770.036</b>
15. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>47.611.626.545</b>	<b>29.248.429.810</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	7.597.095.552	5.832.932.840
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(902.674.992)	(268.541.324)
18. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>40.917.205.985</b>	<b>23.684.038.294</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		39.906.291.450	21.789.655.009
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.010.914.535	1.894.383.285
20.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.27	973	455

Người lập



Ngô Thị Thanh

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Thoan

Hà Nam, ngày 28 tháng 3 năm 2017



Phạm Trung Thành

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 03-DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

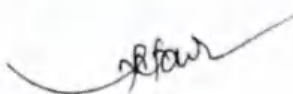
CHỈ TIÊU	MS	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	47.611.626.545	29.248.429.810
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	47.430.106.905	41.087.085.982
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	158.484.396	199.275.067
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.772.047.355)	(116.333.836)
- Chi phí lãi vay	06	18.153.542.506	21.965.104.875
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	(2.176.713.402)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	107.581.712.996	89.209.286.870
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(91.363.728.255)	223.751.840.968
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(34.863.082.963)	(21.152.215.526)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	41.040.877.406	(144.353.656.086)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.671.370.703	(8.211.565.135)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(18.045.258.038)	(22.098.448.581)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.159.523.404)	(1.751.377.131)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	4.230.041.003
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(5.531.482.329)	(9.983.800.683)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(7.669.113.883)</b>	<b>109.640.105.699</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(33.936.954.105)	(86.305.496.393)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.290.080.000	16.877.971.106
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.527.304.267	357.801.601
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(28.119.569.838)</b>	<b>(69.069.723.686)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền thu từ đi vay	33	402.764.321.331	450.915.671.541
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(347.749.410.779)	(439.317.066.287)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuế tài chính	35	(11.243.705.675)	(37.463.034.479)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(24.477.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>19.294.204.877</b>	<b>(25.864.429.225)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	50	<b>(16.494.478.844)</b>	<b>14.705.952.788</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	<b>45.367.742.737</b>	<b>30.661.643.336</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	494.779	146.613
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	70	<b>28.873.758.672</b>	<b>45.367.742.737</b>

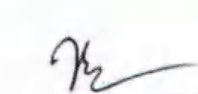
Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nam, ngày 28 tháng 3 năm 2017

Chức danh







Ngô Thị Thanh

Hoàng Văn Thoan

Phạm Trung Thành

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

#### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

##### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON (gọi tắt là "Công ty") đổi tên từ Công ty Cổ phần Bê tông và Khoáng sản FECON, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0700252549 ngày 03 tháng 09 năm 2007; đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 06 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700252549 ngày 06/01/2015 là 410.000.000.000 đồng (Bốn trăm mười tỷ nghìn đồng).

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: FECON MINING JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là FECON Mining.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh; Mã cổ phiếu: FCM.

Trụ sở chính của Công ty tại: Cụm Công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Số lao động bình quân trong năm : 263 người.

##### Công ty con được hợp nhất

Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 22621000014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 03 tháng 6 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 23 tháng 9 năm 2015. Trong đó, Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON nắm giữ 5.150.000 cổ phần tương ứng 51.500.000.000 đồng (Năm một tỷ năm trăm triệu đồng), chiếm 51,5% vốn điều lệ.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FECON NGHI SON JOINT-STOCK COMPANY.

Vốn điều lệ : 100.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 274 Tổng Duy Tân, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Ngành nghề kinh doanh chính trong năm: nghiên cứu, sản xuất và thương mại.

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2801128982 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 11 tháng 01 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 09 tháng 12 năm 2015. Trong đó, Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON nắm giữ 4.950.000 cổ phần tương ứng 49.500.000.000 đồng (Bốn chín tỷ năm trăm triệu đồng), chiếm 55% vốn điều lệ.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FECON Hải Đăng Mineral Joint Stock Company.

Vốn điều lệ : 90.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: thôn Tam Sơn, xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

Ngành nghề kinh doanh chính trong năm 2016: Khai thác đá loăng.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON và Công ty các con gồm: Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn và Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

#### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành; Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Khai thác đá, cát sỏi, đất sét;
- Thi công xây dựng: Nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật thủ công nghiệp đô thị; Thi nghiệm cọc công nghệ cao;
- Khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa hình, khảo sát địa chất, thủy văn công trình;
- Thực hiện các thí nghiệm địa kỹ thuật phục vụ khảo sát thiết kế, quản lý chất lượng, quan trắc trong thi công nền móng và công trình ngầm;
- Sản xuất và buôn bán các loại cầu kiện bê tông cốt thép, thép, phục vụ xây dựng nền móng và công trình ngầm, Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng;
- Ứng dụng và chuyển giao công nghệ xây dựng nền móng và công trình ngầm mới vào thực tế xây dựng tại Việt Nam;
- Buôn bán: Vật tư, vật liệu, thiết bị công nghiệp thuộc hai lĩnh vực xây dựng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Dịch vụ kho vận;
- Tư vấn, môi giới bất động sản; Kinh doanh khách sạn, văn phòng;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm : Sản xuất bê tông thành phẩm các loại.

#### 1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2016, Công ty có các Công ty con như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
<b>Công ty con</b>			
- Công ty CP Khoáng sản Hải Đăng	Khai thác khoáng sản	55%	55%
- Công ty CP FECON Nghi Sơn	Sản xuất bê tông	51,5%	51,5%

#### 1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng phật quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC và thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc năm tài chính là có thể so sánh được.

## 2. NĂM TÀI CHÍNH/KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### Năm tài chính/Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON, các Công ty con của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON là Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn và Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

Đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2016.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2016.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua vào	Tỷ giá bán ra
31/12/2016	Ngân hàng Thương mại CP Ngoại thương Việt Nam	22.720 VND/USD	22.790 VND/USD

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

IN  
CỔ  
TỊ  
ẾM  
AV  
HA



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình, vô hình và thuê tài chính**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

*a. Nguyên tắc kế toán*

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm

Tài sản cố định thuê tài chính

Một tài sản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình, vô hình và thuê tài chính (Tiếp)**

*b. Phương pháp khấu hao*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Năm 2016</u> (Số năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	08 - 20
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 10

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn. Cụ thể máy móc thiết bị và phương tiện vận tải thời gian sử dụng là 30 tháng.

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất thuê, quyền khai thác khoáng sản và phần mềm máy tính. Giá trị Quyền sử dụng đất thuê được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê là 49 năm. Phần mềm máy tính được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 4 năm. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, khấu hao được thể hiện theo phương pháp đường thẳng.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phân ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ;
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Chi phí phải trả bao gồm chi phí lãi vay phải trả và chi phí vận chuyển cọc.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu (Tiếp theo)**

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm .

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là sản xuất bê tông thành phẩm các loại, hoạt động cung cấp dịch vụ chiếm tỷ trọng rất nhỏ, không có bộ phận cung cấp dịch vụ chuyên trách, riêng biệt. Vì vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	955.300.443	2.179.267.190
Tiền gửi ngân hàng	21.418.458.229	39.188.475.547
Các khoản tương đương tiền	6.500.000.000	4.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	6.500.000.000	4.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>28.873.758.672</b>	<b>45.367.742.737</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**5.2 Phải thu của khách hàng**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>254.104.865.637</b>	<b>201.012.033.130</b>
Công ty Cổ phần Fecon	110.101.830.950	90.541.463.930
Công ty cổ phần hạ tầng FECON (FCI)	4.018.713.879	25.203.315.132
Công ty TNHH xây dựng và dịch vụ thương mại Hiệu Thắng	20.028.927.408	7.874.871.708
Công ty CP xây dựng Quốc Gia	-	25.396.543.324
Công ty TNHH Quang Vinh Hải Thượng	12.048.510.300	-
Phải thu các đối tượng khác	107.906.883.100	51.995.839.036
<b>Phải thu khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>254.104.865.637</b>	<b>201.012.033.130</b>

**Chi phí trả trước ngắn hạn**

**5.3 Phải thu khác**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>26.196.663.807</b>	-	<b>24.509.005.200</b>	-
UBND tỉnh Thanh Hóa (tiền đền bù dự án)	3.073.537.322	-	6.944.737.822	-
Vũ Đức Hùng	-	-	11.090.000.000	-
Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	1.134.742.936	-	1.578.053.532	-
Tạm ứng	19.952.355.124	-	1.264.230.429	-
Ký cược, ký quỹ	956.826.972	-	776.661.972	-
Phải thu khác	1.079.201.453	-	2.855.321.445	-
<b>Dài hạn</b>	<b>1.824.550.000</b>	-	<b>1.814.550.000</b>	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.824.550.000	-	1.814.550.000	-
<b>Tổng</b>	<b>28.021.213.807</b>	<b>-</b>	<b>26.323.555.200</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**5.4 Nợ xấu***Đơn vị tính: VND*

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	469.869.517	-	634.109.323	-
<i>Trong đó:</i>				Quá hạn trên 3 năm
Công ty CP Licogi 16.5				469.869.517
<b>Tổng</b>				<b>469.869.517</b>

**5.5 Tài sản thiếu chờ xử lý**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư FECON	2.520.235.168	2.520.235.168
<b>Tổng</b>	<b>2.520.235.168</b>	<b>2.520.235.168</b>

**5.6 Hàng tồn kho***Đơn vị tính: VND*

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	886.245.327	-	1.023.450.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	124.762.407.660	-	106.656.888.254	-
Công cụ, dụng cụ	12.508.287.426	-	12.986.556.215	-
Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang	22.079.060.027	-	1.488.725.029	-
Thành phẩm	112.553.597.437	-	105.420.301.009	-
Hàng hóa	6.057.114.476	-	15.408.267.464	-
Hàng gửi bán	-	-	28.225.190	-
<b>Tổng</b>	<b>278.846.712.353</b>	<b>-</b>	<b>243.012.413.161</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**5.7 Chi phí trả trước**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.041.387.434</b>	<b>2.016.457.592</b>
Chi phí công cụ, dụng cụ	896.509.672	447.578.215
Chi phí bảo hiểm	-	154.170.355
Các chi phí khác chờ phân bổ	1.144.877.762	1.414.709.022
<b>Dài hạn</b>	<b>9.333.784.972</b>	<b>11.445.262.477</b>
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.353.516.146	9.166.684.404
Chi phí tư vấn	1.099.473.720	1.263.457.020
Chênh lệch tỷ giá	-	447.517.701
Chi phí sửa chữa, cải tạo	106.817.205	567.603.352
Chi phí vận chuyển và thuê mặt bằng	6.773.977.901	-
<b>Tổng</b>	<b>11.375.172.406</b>	<b>13.461.720.069</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

B Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2016	169.584.719.670	230.362.675.397	69.415.920.283	534.615.773	1.250.176.086	471.148.107.209
Tăng trong năm	22.008.831.673	13.124.273.007	7.639.334.911	431.228.149	221.876.924	43.425.544.664
Mua trong năm	636.363.636	8.951.653.596	3.620.681.781	-	140.570.740	13.349.269.753
Đầu tư XDCB hoàn thành	21.372.468.037	404.704.462	-	-	44.536.603	21.821.709.102
Điều chuyển, phân loại lại	-	3.767.914.949	4.018.653.130	431.228.149	36.769.581	8.254.565.809
Giảm trong năm	8.254.565.809	1.301.791.477	853.954.364	-	-	10.410.311.650
Thanh lý, nhượng bán	-	1.296.643.202	853.954.364	-	-	2.150.597.566
Điều chuyển, phân loại lại	8.254.565.809	5.148.275	-	-	-	8.259.714.084
Số dư tại 31/12/2016	183.338.985.534	242.185.156.927	76.201.300.830	965.843.922	1.472.053.010	504.163.340.223
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2016	41.908.784.637	110.197.448.059	30.554.428.825	164.283.594	943.375.434	183.768.320.549
Tăng trong năm	14.656.321.401	16.600.952.134	7.435.567.641	202.658.879	165.398.805	39.060.898.860
Khấu hao trong năm	13.467.530.915	16.600.952.134	7.191.999.587	154.420.200	152.096.199	37.566.999.035
Điều chuyển, phân loại lại	1.188.790.486	-	243.568.054	48.238.679	13.302.606	1.493.899.825
Giảm trong năm	-	2.790.686.035	808.617.452	-	-	3.599.303.487
Thanh lý, nhượng bán	-	1.296.643.202	808.617.452	-	-	2.105.260.654
Điều chuyển, phân loại lại	-	1.494.042.833	-	-	-	1.494.042.833
Số dư tại 31/12/2016	56.565.106.038	124.007.714.158	37.181.379.014	366.942.473	1.108.774.239	219.229.915.922
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại 01/01/2016	127.675.935.033	120.165.227.338	38.861.491.458	370.332.179	306.800.652	287.379.786.660
Tại 31/12/2016	126.773.879.496	118.177.442.769	39.019.921.816	598.901.449	363.278.771	284.933.424.301

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay 164.419.542.058 đồng (tại ngày 31/12/2015 là: 171.956.860.418 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 59.680.907.258 đồng (tại ngày 31/12/2015 là: 49.976.058.609 đồng)



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.9 Tài sản thuê tài chính**

*Đơn vị tính: VND*

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2016	38.528.715.681	19.701.589.186	58.230.304.867
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	<u>38.528.715.681</u>	<u>19.701.589.186</u>	<u>58.230.304.867</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2016	8.501.747.616	1.509.187.679	10.010.935.295
Tăng trong năm	5.760.103.356	2.917.331.136	8.677.434.492
Khấu hao trong năm	5.760.103.356	2.917.331.136	8.677.434.492
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	<u>14.261.850.972</u>	<u>4.426.518.815</u>	<u>18.688.369.787</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2016	<u>30.026.968.065</u>	<u>18.192.401.507</u>	<u>48.219.369.572</u>
Tại 31/12/2016	<u>24.266.864.709</u>	<u>15.275.070.371</u>	<u>39.541.935.080</u>

**5.10 Tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Quyền khai thác	Giấy phép và giấy phép nhượng quyền	Phần mềm tin học	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2016	8.380.730.109	6.862.469.230	4.519.857.901	336.346.000	20.099.403.240
Tăng trong năm	-	13.195.889.771	-	-	13.195.889.771
Mua trong năm	-	13.195.889.771	-	-	13.195.889.771
Giảm trong năm	-	5.366.219.401	-	-	5.366.219.401
Thanh lý, nhượng bán	-	5.366.219.401	-	-	5.366.219.401
Số dư tại 31/12/2016	<u>8.380.730.109</u>	<u>14.692.139.600</u>	<u>4.519.857.901</u>	<u>336.346.000</u>	<u>27.929.073.610</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2016	1.124.470.789	1.436.508.512	-	188.947.746	2.749.927.047
Tăng trong năm	157.227.124	945.637.602	-	82.808.652	1.185.673.378
Khấu hao trong năm	157.227.124	945.637.602	-	82.808.652	1.185.673.378
Giảm trong năm	-	807.349.322	-	-	807.349.322
Thanh lý, nhượng bán	-	807.349.322	-	-	807.349.322
Số dư tại 31/12/2016	<u>1.281.697.913</u>	<u>1.574.796.792</u>	<u>-</u>	<u>271.756.398</u>	<u>3.128.251.103</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2016	<u>7.256.259.320</u>	<u>5.425.960.718</u>	<u>4.519.857.901</u>	<u>147.398.254</u>	<u>17.349.476.193</u>
Tại 31/12/2016	<u>7.099.032.196</u>	<u>13.117.342.808</u>	<u>4.519.857.901</u>	<u>64.589.602</u>	<u>24.800.822.507</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.11 Tài sản dở dang dở dang dài hạn***Đơn vị tính: VND*

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>				
Khu DV và TM Ngũ Động Sơn và mở rộng NM về phía đông	8.888.485.439	8.888.485.439	8.736.353.347	8.736.353.347
Đường nội bộ	-	-	3.436.040.183	3.436.040.183
Nền nhà xưởng	-	-	2.512.760.124	2.512.760.124
Mở rộng kho chứa đá	-	-	2.271.870.183	2.271.870.183
Xe nâng bánh lốp chuyên dụng	-	-	1.350.000.000	1.350.000.000
Cải tạo bể hấp DC2	-	-	248.374.750	248.374.750
Thiết bị bể tổng vỏ hầm	-	-	253.192.825	253.192.825
Làm đường và các công trình mở rộng	-	-	4.345.010.645	4.345.010.645
Dự án cải tạo sửa chữa hệ thống bể hấp	-	-	8.060.853.464	8.060.853.464
Dự án đường vận tải	2.728.026.635	2.728.026.635	996.711.135	996.711.135
Dự án đường nội bộ mỏ	1.146.510.850	1.146.510.850	737.419.941	737.419.941
Dự án lắp đặt dây chuyền 2	3.963.191.701	3.963.191.701	37.031.440	37.031.440
Layout máy móc thiết bị	238.902.280	238.902.280	-	-
5 xe sơ mi đầu kéo	4.273.818.180	4.273.818.180	-	-
Dự án mở đường và san lấp bãi chứa	664.103.514	664.103.514	-	-
Công trình FECON Nghi Sơn	105.753.600	105.753.600	-	-
<b>Tổng</b>	<b>22.008.792.199</b>	<b>22.008.792.199</b>	<b>32.985.618.037</b>	<b>32.985.618.037</b>

**5.12 Phải trả người bán***Đơn vị tính: VND*

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH sản xuất Hà Thanh	19.458.554.074	19.458.554.074	8.484.929.200	8.484.929.200
Công ty TNHH Trường Hải	21.717.590.707	21.717.590.707	9.260.594.721	9.260.594.721
Công ty TNHH Ngọc Mai	-	-	11.916.644.848	11.916.644.848
Công ty Cổ phần FECON	-	-	9.332.804.382	9.332.804.382
Phải trả người bán ngắn hạn khác	72.294.139.102	72.294.139.102	65.875.838.288	65.875.838.288
<b>Trong đó phải trả các bên liên quan</b>				
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>113.470.283.883</b>	<b>113.470.283.883</b>	<b>104.870.811.439</b>	<b>104.870.811.439</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước***Đơn vị tính: VND*

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
<b>Phải nộp</b>	<b>3.328.614.826</b>	<b>46.179.887.618</b>	<b>36.614.062.945</b>	<b>12.894.439.499</b>
Thuế giá trị gia tăng	951.073.214	18.337.747.357	15.964.504.293	3.324.316.278
Thuế XNK	-	695.624.187	695.624.187	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.562.347.126	7.597.095.552	7.748.504.441	1.410.938.237
Thuế thu nhập cá nhân	29.058.513	1.212.010.797	887.152.715	353.916.595
Thuế tài nguyên	208.793.273	1.462.676.491	1.068.692.601	602.777.163
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	533.554.000	2.525.668.902	3.039.601.554	19.621.348
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	43.788.700	3.936.000	3.873.600	43.851.100
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	14.345.128.332	7.206.109.554	7.139.018.778
<b>Phải thu</b>	<b>375.950.791</b>	<b>168.967.375</b>	<b>148.689.600</b>	<b>355.673.016</b>
Thuế XNK	29.430.669	-	-	29.430.669
Thuế thu nhập cá nhân	23.277.775	23.277.775	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	35.672.400	142.689.600	142.689.600	35.672.400
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	3.000.000	6.000.000	3.000.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	287.569.947	-	-	287.569.947

**5.14 Chi phí phải trả**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>484.788.725</b>	<b>216.339.873</b>
Lãi vay phải trả	484.788.725	216.339.873
<b>Tổng</b>	<b>484.788.725</b>	<b>216.339.873</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.15 Phải trả khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>12.985.438.661</b>	<b>8.449.059.658</b>
Kinh phí công đoàn	321.401.057	225.547.177
Bảo hiểm xã hội	181.164.460	61.467.600
Bảo hiểm y tế	27.819.828	15.723.800
Bảo hiểm thất nghiệp	11.987.075	6.375.200
Hoàng Văn Thoan	-	1.000.000.000
Công ty CP Hạ tầng FECON	4.107.504.166	1.607.504.166
Công ty Cổ phần Fecon	-	2.102.276.041
Hà Cửu Long	-	3.420.033.000
Công ty cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm	4.102.276.041	-
Phải trả, phải nộp khác	4.233.286.034	10.132.674
<b><u>Trong đó phải trả các bên liên quan</u></b>		
<b>Dài hạn</b>	<b>219.000.000</b>	<b>-</b>
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	219.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>13.204.438.661</b>	<b>8.449.059.658</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>249.054.557.225</b>	<b>249.054.557.225</b>	<b>443.289.119.888</b>	<b>378.207.069.634</b>	<b>183.972.506.971</b>	<b>183.972.506.971</b>
Ngân hàng BIDV- CN Đông Đô	43.300.965.564	43.300.965.564	61.042.631.964	22.268.911.762	4.527.245.362	4.527.245.362
Ngân hàng BIDV- CN Hà Nam	22.487.349.036	22.487.349.036	22.487.349.036	-	-	-
Ngân hàng PVcombank - CN Thái Bình	-	-	-	28.671.445.050	28.671.445.050	28.671.445.050
Ngân hàng Công thương - CN Hà Nam	29.343.260.980	29.343.260.980	57.256.106.010	50.052.265.990	22.139.420.960	22.139.420.960
Ngân hàng VCB - CN Hoàn Kiếm	25.264.653.133	25.264.653.133	85.824.892.630	117.594.383.360	57.034.143.863	57.034.143.863
Ngân hàng MB - CN Hà Nam	33.989.615.730	33.989.615.730	63.929.308.600	38.696.229.569	8.756.536.699	8.756.536.699
Ngân hàng VCB - CN Hà Nam	44.968.460.120	44.968.460.120	79.118.312.720	68.818.316.937	34.668.464.337	34.668.464.337
Ngân hàng VIB - CN Ba Đình	21.917.162.516	21.917.162.516	21.917.162.516	-	-	-
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	10.818.345.093	10.818.345.093	10.818.345.093	-	-	-
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô	9.319.745.053	9.319.745.053	22.991.811.319	19.747.316.966	6.075.250.700	6.075.250.700
Vay cá nhân khác	7.645.000.000	7.645.000.000	17.903.200.000	32.358.200.000	22.100.000.000	22.100.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>11.374.755.557</b>	<b>11.374.755.557</b>	<b>7.137.185.817</b>	<b>23.704.325.519</b>	<b>27.941.895.259</b>	<b>27.941.895.259</b>
<b>- Từ 12 tháng - 60 tháng</b>						
Ngân hàng VCB - CN Hoàn Kiếm	-	-	137.185.817	21.330.992.187	21.193.806.370	21.193.806.370
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Mỹ Đình	2.555.555.557	2.555.555.557	-	1.333.333.332	3.888.888.889	3.888.888.889
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô	1.819.200.000	1.819.200.000	-	1.040.000.000	2.859.200.000	2.859.200.000
Công ty Cổ phần Fecon	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần hạ tầng Fecon	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-
<b>Nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>18.955.681.653</b>	<b>18.955.681.653</b>	<b>-</b>	<b>11.243.705.675</b>	<b>30.199.387.328</b>	<b>30.199.387.328</b>
<b>- Từ 12 tháng - 60 tháng</b>						
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	18.955.681.653	18.955.681.653	-	11.243.705.675	30.199.387.328	30.199.387.328
<b>Tổng</b>	<b>279.384.994.435</b>	<b>279.384.994.435</b>	<b>450.426.305.705</b>	<b>413.155.100.828</b>	<b>242.113.789.558</b>	<b>242.113.789.558</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)***Đơn vị tính: VND***b. Nợ thuê tài chính**

Thời hạn	Năm 2016			Năm 2015		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
<i>Từ 01 năm trở xuống</i>	-	-	-	<b>1.032.845.096</b>	<b>58.462.931</b>	<b>974.382.165</b>
Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	-	-	-	1.032.845.096	58.462.931	974.382.165
<i>Trên 1 năm đến 5 năm</i>	<b>11.243.705.675</b>	<b>2.536.916.147</b>	<b>11.243.705.675</b>	<b>38.024.596.975</b>	<b>1.535.944.661</b>	<b>36.488.652.314</b>
Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	11.243.705.675	2.536.916.147	11.243.705.675	38.024.596.975	1.535.944.661	36.488.652.314
<b>Tổng</b>	<b>11.243.705.675</b>	<b>2.536.916.147</b>	<b>11.243.705.675</b>	<b>39.057.442.071</b>	<b>1.594.407.592</b>	<b>37.463.034.479</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.17 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2015	410.000.000.000	(1.873.645.455)	-	8.377.014.163	23.293.237.088	69.524.483.259	509.321.089.055
Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	-	34.148.492.789	34.148.492.789
Lãi trong năm này	-	-	-	-	21.789.655.009	1.894.383.285	23.684.038.294
Tăng khác	-	-	-	-	1.661.354.365	-	1.661.354.365
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.979.108.877	(4.466.479.793)	-	(2.487.370.916)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.171.216.316)	-	(1.171.216.316)
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(201.963.898)	-	(201.963.898)
Truy thu thuế	-	-	-	-	(679.446.131)	-	(679.446.131)
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>410.000.000.000</b>	<b>(1.873.645.455)</b>	<b>-</b>	<b>10.356.123.040</b>	<b>40.225.140.324</b>	<b>105.567.359.333</b>	<b>564.274.977.242</b>
Số dư tại 01/01/2016	410.000.000.000	(1.873.645.455)	-	10.356.123.040	40.225.140.324	105.567.359.333	564.274.977.242
Lãi trong năm này	-	-	-	-	39.906.291.450	1.010.914.535	40.917.205.985
Tăng khác	-	-	1.838.221.531	-	1.860	891.537.443	2.729.760.834
Giảm khác	-	-	(891.537.443)	(1.838.221.531)	-	(12.861.572.129)	(15.591.331.103)
Chia cổ tức 2015	-	-	-	-	(20.500.000.000)	(3.977.000.000)	(24.477.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	2.090.824.498	(5.227.061.245)	-	(3.136.236.747)
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(1.260.343.026)	-	(1.260.343.026)
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>410.000.000.000</b>	<b>(1.873.645.455)</b>	<b>946.684.088</b>	<b>10.608.726.007</b>	<b>53.144.029.363</b>	<b>90.631.239.182</b>	<b>563.457.033.185</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần FECON	147.600.000.000	147.600.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	262.400.000.000	262.400.000.000
<b>Tổng</b>	<b>410.000.000.000</b>	<b>410.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu kỳ	410.000.000.000	410.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	410.000.000.000	410.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>		<b>20.500.000.000</b>
<b>Phân phối các quỹ</b>		<b>5.227.061.245</b>

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>41.000.000</b>	<b>41.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>41.000.000</b>	<b>41.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	41.000.000	41.000.000
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>41.000.000</b>	<b>41.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	41.000.000	41.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (Đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**5.18 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	692.651.773.145	528.577.752.043
<b>Tổng</b>	<b>692.651.773.145</b>	<b>528.577.752.043</b>

**5.19 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	166.142.100	1.853.263.361
<b>Tổng</b>	<b>166.142.100</b>	<b>1.853.263.361</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.20 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn hàng hóa thành phẩm	563.002.535.036	399.659.411.792
<b>Tổng</b>	<b>563.002.535.036</b>	<b>399.659.411.792</b>

**5.21 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	304.304.267	357.801.601
Lãi chênh lệch tỷ giá	144.337.917	52.942.223
<b>Tổng</b>	<b>448.642.184</b>	<b>410.743.824</b>

**5.22 Chi phí tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	18.153.542.506	21.965.104.875
Lỗ chênh lệch tỷ giá	582.745.404	2.670.018.228
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	158.484.396	-
<b>Tổng</b>	<b>18.894.772.306</b>	<b>24.635.123.103</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.23 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>47.856.262.421</b>	<b>51.510.834.605</b>
Chi phí nhân viên	2.670.488.544	1.516.470.781
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	7.594.973.747	1.845.581.809
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	566.720.519	108.011.992
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.253.582.323	2.661.541.844
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
- Chi phí vận chuyển	25.298.309.673	35.345.674.518
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.650.890.874	8.938.161.806
Chi phí bằng tiền khác	1.821.296.741	1.095.391.855
<b>Chi phí quản lý</b>	<b>26.511.505.734</b>	<b>24.485.203.232</b>
Chi phí nhân viên quản lý	13.833.827.520	12.866.214.846
Chi phí vật liệu quản lý	372.171.729	266.373.252
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.928.152.320	640.952.219
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.518.599.127	2.400.930.857
Thuế phí và lệ phí	298.048.025	472.432.488
Chi phí dự phòng	1.560.969.443	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.702.644.654	2.354.859.309
Chi phí bằng tiền khác	3.441.832.722	5.483.440.261
Lợi thế thương mại	19.500.000	-
<b>Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>(164.239.806)</b>	<b>-</b>
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(164.239.806)	-
<b>Tổng</b>	<b>74.367.768.155</b>	<b>75.996.037.837</b>

**5.24 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý tài sản	455.840.000	16.877.971.106
Bán vật tư, công cụ dụng cụ	60.076.364	1.815.327.273
Các khoản khác	21.408.783.903	1.528.706.929
<b>Tổng</b>	<b>21.924.700.267</b>	<b>20.222.005.308</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Giá trị còn lại công cụ, vật tư thanh lý	-	16.968.129.804
Truy thu thuế	1.959.523.396	-
Phạt chậm nộp	4.349.007	-
Chi phí khác	9.018.399.051	850.105.468
<b>Tổng</b>	<b>10.982.271.454</b>	<b>17.818.235.272</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>10.942.428.813</b>	<b>2.403.770.036</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.25 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.597.095.552	5.832.932.840
<b>Tổng</b>	<b>7.597.095.552</b>	<b>5.832.932.840</b>

**5.26 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	357.590.265.778	196.465.557.807
Chi phí nhân công	59.933.570.458	39.882.450.479
Chi phí khấu hao tài sản cố định	47.444.644.429	40.945.471.783
Chi phí dự phòng	(164.239.806)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.528.673.727	54.882.492.670
Chi phí khác bằng tiền	7.745.097.434	28.301.559.395
<b>Tổng</b>	<b>540.078.012.020</b>	<b>360.477.532.134</b>

**5.27 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	40.917.205.985	23.684.038.294
Lợi ích của cổ đông thiểu số	1.010.914.535	1.894.383.285
Các khoản điều chỉnh tăng		
Các khoản điều chỉnh giảm	-	3.136.236.747
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Công ty Mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	39.906.291.450	18.653.418.262
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	41.000.000	41.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	973	455

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Thông tin về các bên liên quan****Các giao dịch với nhân sự chủ chốt**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Năm 2016 VND</b>	<b>Năm 2015 VND</b>
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Lương, thù lao HĐQT	1.579.817.774	950.788.237

**Giao dịch các bên liên quan**

<b>Mua hàng</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Năm 2016 VND</b>	<b>Năm 2015 VND</b>
Công ty Cổ phần FECON	Mua thép	42.999.630.212	47.868.066.020
Công ty Cổ phần FECON	Phần mềm QL	184.708.690	-
	Mua vật tư	-	30.290.188.957

<b>Bán hàng</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Năm 2016 VND</b>	<b>Năm 2015 VND</b>
Công ty Cổ phần FECON	Bán cọc	388.093.858.166	280.014.969.770
Công ty Cổ phần FECON	Bán cọc	3.577.865.000	9.275.200.000
Công ty Cổ phần FECON SOUTH	Bán cọc	5.426.692.000	-

**Số dư các bên liên quan**

<b>Các khoản phải thu</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>01/01/2016 VND</b>
Công ty Cổ phần FECON	Bán cọc	110.101.830.950	90.541.463.930
Công ty Cổ phần FECON	Bán cọc	93.060.000	-
Công ty Cổ phần FECON SOUTH	Bán cọc	5.869.361.200	-

**Trả trước cho người bán**

Công ty Cổ phần FECON	Thi công cọc	350.000.000	-
Công ty Cổ phần FECON	Mua NVL	18.671.900.296	-

<b>Các khoản phải trả</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>01/01/2016 VND</b>
Công ty Cổ phần FECON	Tiền vật tư	-	9.332.804.382
Công ty CP Hạ tầng Fecon	Mua hàng	585.149.562	585.149.562

**6.2 Báo cáo bộ phận**

Căn cứ vào các hướng dẫn tại chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận, trong năm hoạt động chính của công ty là sản xuất bê tông thành phẩm các loại. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Hoạt động kinh doanh cung cấp các sản phẩm bê tông cốt thép trong lãnh thổ Việt Nam chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của cả Công ty. Do vậy, ban giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp bê tông cốt thép và một bộ phận chia theo vùng địa lý trọng yếu là lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không cần lập Báo cáo bộ phận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**6.3 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán.

Hà Nam, ngày 28 tháng 3 năm 2017

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**



**Ngô Thị Thanh**

**Hoàng Văn Thoan**

**Phạm Trung Thành**



**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON;
- Căn cứ các tờ trình của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON ngày 14/4/2017;

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1: Thông qua các báo cáo sau:**

**1. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017:**

Các chỉ tiêu kinh doanh năm 2016 sau khi hợp nhất của Công ty như sau:

*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Kết quả	Tỷ lệ đạt được
1	Doanh thu hợp nhất	530	692,4	130%
2	Lợi nhuận sau thuế	25	40,9	163%

Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2017:

*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017
1	Vốn điều lệ	Tỷ	410	410
2	Doanh thu	Tỷ	692,4	560

3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ	40,9	28
4	Cổ tức (% vốn điều lệ)	%	5	5

**Thông qua kế hoạch đầu tư năm 2017:**

- Mở rộng Dự án nhà máy sản xuất cọc bê tông ly tâm dự ứng lực cường độ cao về phía Đông của dây chuyền sản xuất số 2 thêm khoảng 4,5 ha: 10 tỷ đồng (Bao gồm đền bù và san lấp mặt bằng)
- Đầu tư và nghiên cứu sản xuất các loại sản phẩm bê tông đúc sẵn phục vụ cho các dự án chống biến đổi khí hậu, công thoát nước, kè sông, biển ...: 15 tỷ đồng
- Đầu tư thêm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất: 20 tỷ đồng

**2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2016.**

**3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2016.**

**Điều 2: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016:**

Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán của FCM và Hợp nhất: Chi tiết đăng tại website <http://www.feconmining.com.vn/>; và trang web chính thức của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2016 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Tổng tài sản	Đồng	808,321,662,958	1,000,166,553,762
2	Vốn chủ sở hữu	Đồng	464,575,785,395	563,457,033,185
3	Doanh thu thuần	Đồng	661,149,587,870	692,485,631,045
4	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	34,017,674,367	40,917,205,985
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/cổ phiếu		973

**Điều 3: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận 2016 và kế hoạch sản xuất kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận năm 2017:**

**1. Phân phối lợi nhuận năm 2016**

Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
Lũy kế lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước	13.933.736.055	



Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
Lợi nhuận sau thuế năm 2016 (LNST của cổ đông Công ty mẹ)	27.044.719.322	
Phân phối các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2016	6.761.179.832	25%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.056.707.898	15%
Quỹ đầu tư phát triển	2.704.471.932	10%
Thù lao HĐQT, BKS năm 2016	732.000.000	
Thưởng Ban điều hành năm 2016	540.894.386	2%
Chia cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt	20.500.000.000	5% (VĐL)

2. **Chia cổ tức năm 2016 bằng tiền:** tương ứng 5% vốn điều lệ và uỷ quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ tình hình thực tiễn để thực hiện chi trả cho phù hợp.
3. **Kế hoạch hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2017:**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017
1	Vốn điều lệ	Tỷ	410	410
2	Doanh thu	Tỷ	692,4	560
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ	40,9	28
4	Cổ tức bằng tiền (% VDL)	%	5	5

4. **Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017**

Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	15% Lợi nhuận sau thuế
Trích quỹ đầu tư phát triển	10% Lợi nhuận sau thuế
Thù lao HĐQT, BKS	732.000.000 VNĐ
Cổ tức bằng tiền	5% Vốn điều lệ

**Điều 4:** Thông qua quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2016; Thưởng cho Ban điều hành 2016 và mức phân phối thù lao HĐQT, BKS năm 2017:

1. Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016

Mức phân phối thù lao năm 2016 của HĐQT và BKS là: 732.000.000 VNĐ (*Bảy trăm ba mươi hai triệu đồng chẵn*).

2. **Thưởng Ban điều hành năm 2016:** 2% lợi nhuận sau thuế tương ứng với: 540.894.386 đồng (Năm trăm bốn mươi triệu, tám trăm chín mươi tư nghìn, ba trăm tám sáu đồng) và giao cho Giám đốc Công ty căn cứ vào tình hình thực tế tại Công ty để thực hiện.
3. **Kế hoạch phân phối thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT 2017:**

STT	Chức vụ/vị trí	Số lượng (Người)	Mức thù lao 1 tháng (VNĐ)	Thù lao năm 2016 (VNĐ)
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	25.000.000	300.000.000
2	Phó chủ tịch HĐQT	1	7.000.000	84.000.000
3	Thành viên HĐQT	3	5.000.000	180.000.000
4	Trưởng ban kiểm soát	1	5.000.000	60.000.000
5	Thành viên ban kiểm soát	2	3.000.000	72.000.000
6	Thư ký HĐQT	1	3.000.000	36.000.000
<b>Tổng cộng</b>				732.000.000

- Ủy quyền Hội đồng quản trị chọn thời điểm phân bổ thù lao Hội đồng quản trị và quyết định hạch toán các khoản tiền trên phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi nhất cho công ty.

**Điều 5: Thông qua danh sách đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2017:**

- i. Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam (CPA Việt Nam);
- ii. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC).
- iii. Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA);

Công ty chọn 01 (một) công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán/ soát xét báo cáo tài chính của công ty trong danh sách 03 (ba) công ty kiểm toán trên.

Trong trường hợp không thống nhất được với những Công ty Kiểm toán trên về tiến độ và mức phí kiểm toán, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các Công ty Kiểm toán còn lại trong Danh sách Công ty Kiểm toán độc lập được chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để tiến hành Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 và soát xét Báo cáo tài chính Quý, Báo cáo tài chính bán niên năm 2017 (nếu cần thiết theo yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước).

**Điều 6: Điều khoản thi hành**

Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai thành công Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

**Nơi nhận:**

- UBCKNN, HSX(báo cáo);
- TV.HĐQT;BDH (T/hiện); BKS (g/sát);
- Các cổ đông;
- Lưu VP.

**T/M.ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HĐQT**

**HÀ THẾ PHƯƠNG**

*Hà Nam, ngày 14 tháng 4 năm 2017*

**PHIẾU ĐÓNG GÓP Ý KIẾN CỦA CỔ ĐÔNG**

**ĐẠI HỘI ĐÔNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

TÊN CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐẠI DIỆN : .....

MÃ SỐ CỔ ĐÔNG: .....

SỐ CMND/HỘ CHIẾU/GĐKKD: .....

NGÀY CẤP: .....

NƠI CẤP: .....

SỐ ĐIỆN THOẠI: .....

**NỘI DUNG ĐÓNG GÓP**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**CỔ ĐÔNG**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*